

THIẾT KẾ QUY TRÌNH DẠY HỌC TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG PHÂN TÍCH VÀ TRÍCH DẪN ÁN LỆ CHO SINH VIÊN LUẬT THEO HƯỚNG TƯ DUY TRUY VẤN

Nguyễn Minh Giám¹

Email: giamnm@tdmu.edu.vn. ORCID:0009-0002-9895-2079

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/05/2026

Ngày phản biện đánh giá: 02/07/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/07/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1367

Tóm tắt: Sự phát triển của Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) đã mang lại nhiều cơ hội cho giáo dục pháp luật nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ sinh viên phụ thuộc vào công nghệ, suy giảm tư duy phản biện và vi phạm liêm chính học thuật do các thông tin sai lệch do trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra. Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu đề xuất một quy trình dạy học phân tích và trích dẫn án lệ có tích hợp AI dựa trên phương pháp học tập theo tư duy truy vấn (Inquiry-Based Learning - IBL). Điểm mới của nghiên cứu này là xây dựng Khung năng lực sử dụng AI gồm ba thành phần: Tương tác, Kiểm soát và Phản biện, đồng thời đề xuất mô hình dạy học gồm 5 bước liên kết chặt chẽ với nhau. Kết quả nghiên cứu cung cấp cho giảng viên một quy trình cụ thể giúp sinh viên Luật chuyển từ việc tiếp nhận thông tin thụ động sang chủ động tìm hiểu, đánh giá và làm việc cùng AI. Qua đó, người học không chỉ phát triển tư duy pháp lý độc lập mà còn nâng cao năng lực kiểm soát công nghệ, thực hiện trích dẫn đúng quy định và duy trì các chuẩn mực liêm chính học thuật.

Từ khóa: giáo dục pháp luật, trí tuệ nhân tạo, tư duy truy vấn, phân tích án lệ, thiết kế quy trình dạy học

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của Trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang làm thay đổi cách sinh viên Luật tìm kiếm và xử lý thông tin pháp lý. Mặc dù AI hỗ trợ tra cứu và tóm tắt bản án nhanh chóng, nhưng việc phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ có thể làm giảm tính chủ động và hạn chế khả năng tư duy phản biện của người học, vốn là một mục tiêu quan trọng

của giáo dục đại học (Nguyen, 2026b). Bên cạnh đó, việc AI tạo ra các thông tin không chính xác hoặc các trích dẫn án lệ không có thật cũng có thể dẫn đến những vi phạm về liêm chính học thuật. Vì vậy, AI cần được xem là công cụ hỗ trợ học tập và nhận thức, không phải là công cụ thay thế cho quá trình suy nghĩ và ra quyết định của người học (Nguyen, 2026c).

¹ Trường Đại học Thủ Dầu Một, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trên thế giới, việc ứng dụng AI trong giáo dục pháp luật đang thu hút sự quan tâm ngày càng lớn. Nhiều nghiên cứu cho thấy AI có thể hỗ trợ hiệu quả trong việc tra cứu và tóm tắt bản án, với điều kiện người học biết cách kiểm tra và xác minh thông tin do AI cung cấp (Munir, 2025; Prakash và Nair, 2024). Tuy nhiên, tổng quan tài liệu cho thấy phần lớn các nghiên cứu hiện nay mới chủ yếu tập trung vào việc phân tích cơ hội, thách thức và các nguyên tắc đạo đức chung khi sử dụng AI trong giáo dục pháp luật (Dong và Min, 2024; Ravelo Franco, 2025), hoặc phát triển các hệ thống thuật toán theo hướng công nghệ thuần túy (Gong và cộng sự, 2025). Trong khi đó, vẫn còn thiếu các quy trình sư phạm cụ thể và có tính hệ thống để hướng dẫn sinh viên cách tương tác với AI, kiểm soát đầu ra của công cụ này và phân biện kết quả trong những hoạt động học thuật chuyên sâu như phân tích án lệ.

Từ khoảng trống đó, bài viết tập trung trả lời hai câu hỏi nghiên cứu cốt lõi: (1) Khung năng lực nào cần thiết để sinh viên ngành Luật sử dụng AI một cách hiệu quả và đảm bảo liên chính học thuật trong phân tích án lệ?; (2) Quy trình dạy học nào có thể tích hợp AI vào lớp học nhằm phát triển tư duy pháp lý độc lập cho người học?

Để trả lời các câu hỏi trên, bài viết hướng đến việc xây dựng cơ sở lý luận và đề xuất một mô hình dạy học tích hợp AI dựa trên phương pháp học tập theo tư duy truy vấn (Inquiry-Based Learning - IBL).

Về mặt định vị nghiên cứu, cần nhấn mạnh rằng đây là một nghiên cứu thiết kế mô hình lý thuyết, chưa phải là nghiên cứu thực nghiệm được triển khai

trên mẫu sinh viên thực tế. Điểm mới của nghiên cứu nằm ở việc xây dựng một sản phẩm sư phạm nền tảng, gồm Khung năng lực sử dụng AI với 3 thành phần và quy trình dạy học gồm 5 bước. Mô hình này được đề xuất như một khung tham chiếu ban đầu, làm cơ sở cho các nghiên cứu ứng dụng và thực nghiệm trong giai đoạn tiếp theo.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm và đặc thù của Án lệ

Án lệ là các phán quyết và lập luận của Tòa án được hình thành trong quá trình xét xử, dựa trên những vụ việc đã được giải quyết trước đó để làm cơ sở tham khảo cho các trường hợp tương tự về sau (Black, 1990). Tại Việt Nam, án lệ là những lập luận và phán quyết đã có hiệu lực pháp luật, đóng vai trò như những nguyên tắc bắt buộc trong hoạt động xét xử (Lê, 2015), được Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và công bố để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng (Tòa án nhân dân tối cao, 2015). Điểm đặc trưng của án lệ là gắn liền với thực tiễn và góp phần giải quyết những vấn đề mà pháp luật thành văn chưa quy định đầy đủ (Dương và Nguyễn, 2009).

Để sử dụng án lệ hiệu quả, sinh viên Luật cần có kỹ năng phân tích án lệ nhằm xác định được nguyên tắc pháp lý cốt lõi của vụ việc và phân biệt với những nhận định hoặc bình luận mang tính giải thích của thẩm phán. Kỹ năng này không chỉ giúp người học vận dụng đúng các quy tắc pháp lý mà còn góp phần phát triển tư duy logic, khả năng lập luận khách quan và năng lực nhận diện, dự báo các rủi ro pháp lý trong thực tiễn (Phạm, 2017; Phạm, 2021).

2.2. Phương pháp dạy học dựa trên tư duy truy vấn

Học tập dựa trên truy vấn là chiến lược giáo dục lấy người học làm trung tâm, yêu cầu sinh viên tự kiến tạo tri thức thông qua quá trình khám phá và giải quyết các vấn đề thế giới thực (Keselman, 2003; Pedaste và cộng sự, 2012), đòi hỏi sự vận dụng nhiều kỹ năng giải quyết vấn đề linh hoạt (Pedaste và Sarapuu, 2006). Phương pháp này bao gồm việc quan sát dữ kiện để giải thích các vấn đề thực tiễn (Ma và cộng sự, 2011), qua đó thay thế việc ghi nhớ thụ động bằng triết lý học bằng làm (Prince và Felder, 2006; Smith, 2000). Trong giáo dục đại học, IBL được triển khai qua 4 nguyên lý cốt lõi: (1) Xây dựng câu hỏi định hướng vấn đề nghiên cứu; (2) Khám phá và thu thập dữ liệu thực tế; (3) Kiểm chứng thông tin và thuyết phục người khác bằng lập luận có căn cứ; (4) Phản hồi và tự đánh giá để rút kinh nghiệm áp dụng cho các tình huống mới (Rehorek, 2004).

2.3. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục pháp luật

Trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả cho sinh viên trong việc tìm kiếm và xử lý lượng lớn dữ liệu pháp lý. AI có thể hỗ trợ tóm tắt bản án, tra cứu thông tin và xây dựng các hệ thống hỏi đáp phục vụ học tập và nghiên cứu pháp luật (Gong và cộng sự, 2025; Munir, 2025). Bên cạnh đó, việc tích hợp AI vào các phiên tòa giả định trên môi trường số còn góp phần cá nhân hóa quá trình học tập và nâng cao khả năng vận dụng pháp luật của người học (Davitashvili, 2024; Dong và Min, 2024).

Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Về mặt kỹ thuật, AI có thể cung cấp thông tin không chính xác, dẫn đến việc trích dẫn các án lệ không tồn tại hoặc giải thích chưa đúng các nguyên tắc pháp lý (Munir, 2025; Prakash và Nair, 2024). Về mặt đạo đức, sự thuận tiện của AI có thể khiến người học phụ thuộc quá mức vào công nghệ, làm giảm khả năng tư duy phản biện và gia tăng nguy cơ vi phạm liên chính học thuật hoặc đạo văn (Harankaha và Thilakarathna, 2024). Vì vậy, giáo dục pháp luật cần giúp sinh viên phát triển năng lực sử dụng AI, khả năng kiểm tra và đánh giá thông tin do AI cung cấp, đồng thời rèn luyện kỹ năng trích dẫn trung thực để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và có trách nhiệm (Davitashvili, 2024; Ravelo Franco, 2025).

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Phạm vi và tiêu chí lựa chọn tài liệu: Các tài liệu được lựa chọn tập trung vào ba lĩnh vực chính gồm: Giáo dục pháp luật (đặc thù án lệ), Công nghệ giáo dục (ứng dụng GenAI) và Khoa học nhận thức. Đối với lĩnh vực AI, nghiên cứu ưu tiên các bài báo bình duyệt được công bố trong vòng 5 năm gần đây nhằm bảo đảm tính cập nhật. Đối với lĩnh vực sư phạm và nhận thức, nghiên cứu lựa chọn các khung tham chiếu nền tảng và chuẩn mực quốc tế như mô hình học tập truy vấn, thang phân loại nhận thức Bloom và khung năng lực thông tin.

Cách phân tích và tổng hợp: Thông tin từ các tài liệu được phân tích theo từng chủ đề nhằm xác định những điểm

giao thoa giữa nhu cầu kiểm chứng thông tin pháp lý, các bước truy vấn và rủi ro ảo giác của AI. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sử dụng các kết quả phân tích này như nguồn dữ liệu đầu vào cho giai đoạn thiết kế hệ thống.

3.2. Phương pháp thiết kế hệ thống và vật liệu nghiên cứu

Dựa trên kết quả tổng hợp tài liệu, nghiên cứu tiếp tục sử dụng phương pháp thiết kế hệ thống nhằm chuyển hóa cơ sở lý luận thành quy trình thực hành cụ thể. Các căn cứ chính để xây dựng mô hình gồm:

Căn cứ xây dựng Khung năng lực:
Để tránh việc xây dựng khung theo cảm tính, Khung năng lực sử dụng AI được hình thành trên cơ sở tích hợp Thang độ tư duy nhận thức Bloom bản hiệu đính (Krathwohl, 2002) và Khung năng lực thông tin cho Giáo dục Đại học của Hiệp hội Thư viện Mỹ (ACRL, 2015). Cấu trúc này giúp gắn các hành vi sử dụng AI với các bậc nhận thức từ Vận dụng, Phân tích, Đánh giá đến Sáng tạo, đồng thời kết hợp các nguyên tắc về thẩm định nguồn và giá trị của thông tin.

Căn cứ xây dựng Quy trình 5 bước:
Các bước dạy học được thiết kế theo hướng ánh xạ trực tiếp 1-1 với 4 nguyên lý cốt lõi của phương pháp dạy học theo tư duy truy vấn (Rehorek, 2004). Cụ thể, quy trình đi từ hình thành câu hỏi, khám phá dữ liệu bằng AI, thẩm định bằng tư duy phê phán, đến tổng hợp tranh biện và tự đánh giá.

Cuối cùng, tính hợp lý của bộ công cụ (rubric) và quy trình thiết kế được minh họa bằng việc giải quyết một án lệ thực tế của Việt Nam (Án lệ số 80/2025/AL). Đây

cũng là cơ sở để triển khai các nghiên cứu thử nghiệm trong tương lai.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khung năng lực sử dụng AI trong phân tích án lệ

Xuất phát từ những khoảng trống trong nghiên cứu hiện nay và các rủi ro nảy sinh khi người học phụ thuộc quá mức vào AI, việc xây dựng một Khung năng lực sử dụng AI là yêu cầu cần thiết. Khung năng lực này được phát triển trên quan điểm rằng đạo đức trong sử dụng AI không nên chỉ được xem như những quy định hay yêu cầu phải tuân thủ từ bên ngoài, mà cần được hình thành như một năng lực nội tại của người học (Nguyen, 2026a). Theo cách tiếp cận này, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc giúp sinh viên biết cách sử dụng công cụ, mà còn cần giúp họ hiểu được giá trị, tác động và những hệ quả xã hội mà công nghệ có thể tạo ra (Nguyen, 2026b).

Để bảo đảm tính khoa học, quá trình xây dựng mô hình và làm rõ cơ sở phương pháp luận, nghiên cứu đề xuất Khung năng lực sử dụng AI gồm ba thành phần, được hình thành từ sự tích hợp của hai nền tảng: Thang độ tư duy nhận thức Bloom bản hiệu đính (Krathwohl, 2002) và Khung năng lực thông tin cho Giáo dục Đại học của Hiệp hội Thư viện Đại học và Nghiên cứu Hoa Kỳ (ACRL, 2015). Cấu trúc này cho thấy việc sử dụng AI không chỉ là một kỹ năng công nghệ đơn thuần, mà còn gắn chặt với nhận thức, năng lực đánh giá thông tin và liên chính học thuật. Ba thành phần của khung được xác định như sau:

Thành phần Tương tác: Thành phần này được xây dựng trên cơ sở bậc nhận thức

Áp dụng (Applying) của thang đo Bloom (Krathwohl, 2002) và nguyên lý Nghiên cứu là quá trình khám phá (Research as Inquiry) của ACRL (2015). Năng lực này yêu cầu sinh viên biết chuyển một vấn đề pháp lý thành chuỗi truy vấn logic, đồng thời có khả năng điều chỉnh câu lệnh (prompt) để khai thác thông tin từ án lệ một cách phù hợp.

Thành phần Kiểm soát: Thành phần này gắn với hai bậc nhận thức Phân tích (Analyzing) và Đánh giá (Evaluating) của Bloom (Krathwohl, 2002), đồng thời kế thừa nguyên lý Thẩm định nguồn thông tin (Authority Is Constructed and Contextual) của ACRL (2015). Đây là lớp năng lực giúp kiểm soát rủi ro trong quá

trình sử dụng AI, đòi hỏi người học duy trì thái độ hoài nghi khoa học, biết đối chiếu chéo thông tin do AI cung cấp với cơ sở dữ liệu án lệ gốc của Tòa án để phát hiện hiện tượng ảo giác AI hoặc các trích dẫn không chính xác.

Thành phần Phản biện: Thành phần này được xây dựng trên bậc nhận thức cao nhất là Sáng tạo (Creating) của Bloom (Krathwohl, 2002) và nguyên lý Thông tin có giá trị (Information Has Value) của ACRL (2015). Ở mức độ này, sinh viên không chỉ sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, mà còn biết làm chủ công nghệ để xây dựng lập luận pháp lý độc lập, đồng thời thực hiện việc trích dẫn án lệ một cách chuẩn xác và trung thực.

Bảng 1. Khung năng lực sử dụng AI trong phân tích và trích dẫn án lệ

Lớp năng lực	Cơ sở tham chiếu (Bloom và ACRL)	Nội dung cốt lõi	Biểu hiện ở sinh viên
Tương tác	Áp dụng / Nguyên lý Nghiên cứu là quá trình khám phá	Khả năng xây dựng câu hỏi truy vấn và duy trì quá trình trao đổi hiệu quả với AI.	Diễn đạt yêu cầu pháp lý một cách rõ ràng; chia nhỏ các vấn đề pháp lý phức tạp thành những câu hỏi cụ thể; điều chỉnh câu lệnh (prompt) dựa trên phản hồi của AI để nâng cao chất lượng thông tin thu được.
Kiểm soát	Phân tích và Đánh giá / Nguyên lý Thẩm định nguồn thông tin	Khả năng kiểm chứng độ chính xác của thông tin do AI cung cấp nhằm bảo đảm an toàn học thuật.	Không chấp nhận ngay kết quả do AI tạo ra; chủ động đối chiếu thông tin với cơ sở dữ liệu án lệ gốc; nhận diện thông tin sai lệch hoặc các trích dẫn không có thật.
Phản biện	Sáng tạo / Nguyên lý Thông tin có giá trị	Khả năng đánh giá thông tin, xây dựng lập luận pháp lý độc lập và tuân thủ liêm chính học thuật.	Phân biệt được nguyên tắc pháp lý cốt lõi với các phản bình luận; chuyển hóa thông tin thu được thành quan điểm pháp lý của riêng mình; trích dẫn án lệ một cách chính xác và trung thực.

Nguồn: Tác giả đề xuất

Nhằm nâng cao giá trị ứng dụng của khung năng lực và cung cấp công cụ đánh giá cụ thể cho giảng viên, nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá (Rubric) gắn với các sản phẩm đầu ra tương ứng ở từng bước của quy trình dạy học.

4.2. Đề xuất quy trình dạy học truy vấn án lệ tích hợp AI

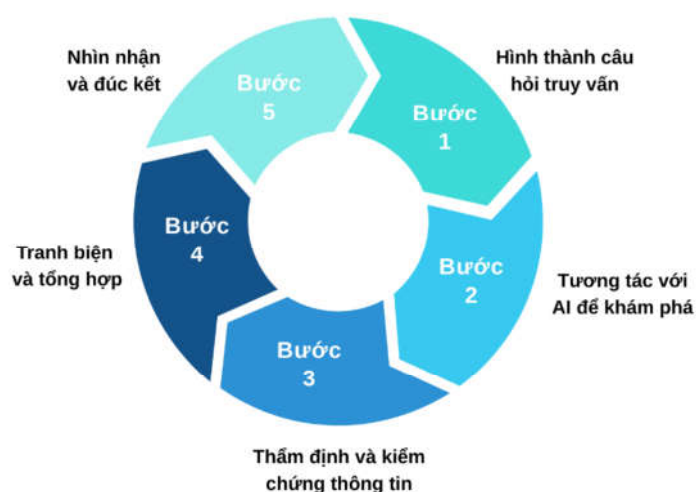
Để chuyển Khung năng lực gồm ba thành phần thành những hoạt động sư phạm cụ thể, nghiên cứu đề xuất Quy trình dạy học 5 bước. Về cơ sở phương pháp

luận, quy trình này được xây dựng trên nền tảng phương pháp Học tập dựa trên truy vấn (Inquiry-Based Learning - IBL) và được ánh xạ trực tiếp từ các nguyên lý cốt lõi của IBL (Rehorek, 2004).

Sự kết nối này được thiết kế theo logic khá rõ ràng. Bước 1 (Hình thành câu hỏi) gắn với nguyên lý định hướng vấn đề; Bước 2 (Tương tác với AI) gắn với nguyên lý khám phá dữ liệu; Bước 3 và Bước 4 (Thẩm định, Tranh biện) thể hiện nguyên lý kiểm chứng và lập luận có căn cứ; còn Bước 5 (Đúc kết) tương ứng với nguyên lý

phản hồi và tự đánh giá (Rehorek, 2004). Việc đưa AI vào từng bước của chu trình IBL giúp công nghệ luôn nằm trong sự kiểm soát của phương pháp sư phạm, qua đó bảo đảm sinh viên vẫn giữ vai trò trung tâm trong quá trình học tập.

Mô hình 5 bước dưới đây được xây dựng nhằm hỗ trợ giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tư duy, đồng thời xác định rõ sản phẩm đầu ra ở từng giai đoạn để làm căn cứ đánh giá và nghiệm thu.



Hình 1. Quy trình dạy học truy vấn án lệ tích hợp AI

Bước 1: Hình thành câu hỏi truy vấn

Thay vì tiếp cận những bài tập đã có sẵn hướng giải quyết, sinh viên được đặt vào các tình huống pháp lý mở để tự xác định hướng phân tích. Ở bước này, người học cần chủ động đọc tài liệu, nhận diện vấn đề pháp lý trọng tâm và xây dựng các câu hỏi định hướng trước khi sử dụng AI. Cách tiếp cận này giúp duy trì vai trò trung tâm của sinh viên trong quá trình tư duy, tránh tình trạng phụ thuộc ngay từ đầu vào công cụ hỗ trợ. Sản phẩm đầu ra của bước này là Bảng phân tích vấn đề

pháp lý, trong đó tóm tắt mâu thuẫn cốt lõi của vụ việc và hệ thống các câu hỏi định hướng cần giải quyết.

Bước 2: Tương tác với AI để khám phá

Sau khi đã hình thành hệ thống câu hỏi, sinh viên sử dụng các câu lệnh (prompt) để yêu cầu AI tóm tắt vụ việc, gợi ý án lệ hoặc cung cấp thông tin liên quan. Trong quá trình này, người học cần liên tục điều chỉnh câu lệnh để khai thác thông tin sâu hơn, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc bảo mật thông tin. Việc tương tác với AI ở bước này không chỉ nhằm mở

rộng nguồn dữ liệu ban đầu mà còn giúp sinh viên rèn luyện khả năng đặt câu hỏi và kiểm soát quá trình truy vấn. Sản phẩm đầu ra là Nhật ký hội thoại AI, dùng để lưu lại toàn bộ lịch sử câu lệnh của sinh viên và phản hồi từ nền tảng AI.

Bước 3: Thẩm định và kiểm chứng thông tin

Để hạn chế rủi ro từ các thông tin sai lệch do AI tạo ra, đặc biệt là hiện tượng ảo giác AI, sinh viên không được sử dụng trực tiếp các kết quả do công cụ cung cấp. Thay vào đó, người học bắt buộc phải đối chiếu và kiểm tra lại thông tin bằng các nguồn chính thống như cổng thông tin của Tòa án và văn bản luật gốc. Đây là bước giữ vai trò bản lề trong việc bảo đảm độ tin cậy của thông tin và duy trì chuẩn mực học thuật trong quá trình học tập. Sản phẩm đầu ra của bước này là Báo cáo đối chiếu nguồn, trong đó sinh viên chỉ rõ các lỗi sai hoặc trích dẫn ảo do AI tạo ra, kèm theo hình ảnh minh chứng từ cơ sở dữ liệu án lệ gốc.

Bước 4: Tranh biện và tổng hợp

Sau khi hoàn tất việc kiểm chứng thông tin, sinh viên tham gia các hoạt động tranh biện, chẳng hạn như phiên tòa giả định, để bảo vệ quan điểm của mình. Ở giai đoạn này, người học phải tự xây dựng lập luận pháp lý và thực hiện trích dẫn án lệ theo đúng quy định học thuật. Bước này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn

chế nguy cơ đạo văn, đồng thời giảm sự lệ thuộc vào AI bằng cách buộc sinh viên phải tự chịu trách nhiệm đối với lập luận của mình. Sản phẩm đầu ra là Bản luận cứ hoặc Tiểu luận pháp lý cá nhân, thể hiện tư duy độc lập, không chứa văn bản do AI tự động viết thay và bảo đảm trích dẫn án lệ theo chuẩn APA.

Bước 5: Nhìn nhận và đúc kết

Ở bước cuối cùng, sinh viên tự đánh giá toàn bộ quá trình sử dụng AI, từ những điểm công cụ hỗ trợ hiệu quả đến các sai sót đã phát hiện và cách bản thân khắc phục các sai sót đó. Hoạt động này giúp người học hình thành thói quen sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, đồng thời phát triển năng lực phản tư đối với vai trò và giới hạn của AI trong học tập pháp lý. Sản phẩm đầu ra của bước này là Phiếu tự đánh giá, trong đó sinh viên rút ra kinh nghiệm về giới hạn của AI và cam kết tuân thủ liên chính học thuật.

Nhằm tăng tính ứng dụng của khung năng lực và cung cấp công cụ đo lường cụ thể cho giảng viên trong quá trình nghiệm thu các sản phẩm đầu ra, nghiên cứu tiếp tục thiết kế Bảng Rubric đánh giá năng lực sử dụng AI. Rubric này đóng vai trò như một thang đo khái quát, giúp đánh giá tương đối khách quan cả quá trình lẫn kết quả làm việc của sinh viên trong các tình huống phân tích án lệ khác nhau.

Bảng 2. Rubric đánh giá năng lực sử dụng AI và Sản phẩm đầu ra định hướng

Tiêu chí (Năng lực)	Sản phẩm đầu ra (Minh chứng đánh giá)	Mức 1: Cần cố gắng (< 5.0)	Mức 2: Đạt chuẩn (5.0 - 7.5)	Mức 3: Tốt (8.0 - 10)
Tương tác (Tương ứng Bước 1 và 2)	Bảng phân tích câu hỏi và Nhật ký hội thoại AI: Ghi lại lịch sử câu lệnh và kết quả khai thác thông tin.	Chỉ sử dụng 1-2 câu lệnh đơn giản, tiếp nhận thụ động kết quả đầu tiên do AI cung cấp; chưa biết chia nhỏ vấn đề pháp lý để truy vấn.	Đặt được câu hỏi bám sát bối cảnh pháp lý; biết điều chỉnh câu lệnh khi phản hồi của AI chưa đúng trọng tâm.	Sử dụng linh hoạt các kỹ thuật prompt như đóng vai, tư duy chuỗi; khai thác được nhiều góc nhìn pháp lý khác nhau từ AI.

Tiêu chí (NĂng lực)	Sản phẩm đầu ra (Minh chứng đánh giá)	Mức 1: Cần cố gắng (< 5.0)	Mức 2: Đạt chuẩn (5.0 - 7.5)	Mức 3: Tốt (8.0 - 10)
Kiểm soát (Tương ứng Bước 3)	Báo cáo đối chiếu nguồn: Chỉ ra các lỗi sai, án lệ giả mạo do AI cung cấp kèm minh chứng từ Công thông tin án lệ.	Chấp nhận hoàn toàn kết quả do AI đưa ra; không kiểm chứng nguồn gốc hoặc đối chiếu sai văn bản gốc.	Biết tra cứu án lệ gốc trên công thông tin; phát hiện được những lỗi sai cơ bản như sai số hiệu hoặc sai ngày tháng.	Phát hiện tốt các hiện tượng ảo giác logic pháp lý của AI, chẳng hạn sai đối tượng áp dụng hoặc sai điều luật; có minh chứng đối chiếu rõ ràng và chặt chẽ.
Phản biện (Tương ứng Bước 4 và 5)	Bản luận cứ pháp lý và Phiếu tự đánh giá: Thể hiện lập luận độc lập, không sao chép văn bản do AI sinh ra và trích dẫn đúng chuẩn APA.	Sao chép nguyên văn nội dung do AI tạo ra vào bài làm; trích dẫn nguồn án lệ không đúng quy chuẩn.	Xây dựng được lập luận riêng; loại bỏ nội dung do AI sinh ra; trích dẫn án lệ gốc đúng quy định.	Lập luận sắc bén, biết sử dụng án lệ gốc để phản biện hoặc bác bỏ những gợi ý sai lệch từ AI; thể hiện rõ tính nguyên bản trong bài làm.

Nguồn: Tác giả đề xuất

Việc tự đánh giá và rút kinh nghiệm ở bước cuối giúp hoàn thiện một quy trình học tập khép kín. Quy trình này không chỉ hỗ trợ sinh viên phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể mà còn góp phần hình thành tư duy nghề nghiệp lâu dài. Thông qua đó, người học được rèn luyện thói quen đánh giá thông tin cẩn trọng, kiểm chứng từ nhiều nguồn khác nhau và sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách phù hợp trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

4.3. Minh họa ứng dụng thực tiễn

Để minh họa khả năng vận dụng của Quy trình 5 bước đã đề xuất, nghiên cứu xây dựng một tình huống thực tiễn dựa trên Án lệ số 80/2025/AL về việc tặng cho vé số của vợ, chồng (được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 24/12/2025, có nguồn gốc từ Quyết định giám đốc thẩm số 148/2023/DS-GĐT). Trên cơ sở tình huống này, quy

trình được triển khai qua các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Hình thành câu hỏi truy vấn

Sinh viên được giao nghiên cứu một tình huống thực tế: một người chồng (ông T) mua một tờ vé số mệnh giá 10.000 đồng và hứa sẽ tặng cho nhóm công nhân (bà D) nếu vé trúng thưởng. Sau đó, tờ vé số trúng giải đặc biệt trị giá 2 tỷ đồng. Tuy nhiên, ông T giữ tờ vé để đi lĩnh thưởng và không chia tiền như đã hứa. Vợ của ông T (bà D1) cho rằng việc tặng cho số tiền 2 tỷ đồng này chưa có sự đồng ý của bà nên giao dịch phải bị xem là vô hiệu. Từ tình huống đó, sinh viên cần xác định vấn đề pháp lý cốt lõi của vụ việc, cụ thể là: đối tượng của hợp đồng tặng cho là tờ vé số tại thời điểm chưa mở thưởng hay là tờ vé số sau khi đã trúng thưởng; đồng thời, việc ông T tự ý tặng tờ vé số trị giá 10.000 đồng có xâm phạm quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng hay không.

Bước 2: Tương tác với AI để khám phá

Sau khi xác định được vấn đề trọng tâm, sinh viên sử dụng nền tảng AI tạo sinh để tra cứu thông tin ban đầu theo hướng định hướng phân tích. Chẳng hạn, sinh viên có thể sử dụng câu lệnh (Prompt) như sau: Đóng vai là luật sư dân sự Việt Nam. Dựa vào án lệ, hãy phân tích: Người chồng tự ý tặng cho người khác một tờ vé số, sau đó tờ vé trúng 2 tỷ đồng thì giao dịch tặng cho đó có bị vô hiệu do thiếu sự đồng ý của người vợ không? Trong tình huống minh họa này, AI có thể truy xuất đúng Án lệ số 80/2025/AL nhưng lại đưa ra kết luận sai về mặt lập luận pháp lý. Cụ thể, AI cho rằng: Theo Án lệ số 80, do tờ vé số trúng thưởng 2 tỷ đồng là tài sản có giá trị lớn, ông T chỉ có quyền định đoạt 50% giá trị. Việc tặng toàn bộ mà không có sự đồng ý của người vợ là trái pháp luật. Đây là một ví dụ điển hình cho hiện tượng AI có thể xác định đúng nguồn án lệ nhưng lại diễn giải sai bản chất pháp lý của vụ việc.

Bước 3: Thẩm định và kiểm chứng thông tin

Thực hiện nguyên tắc không sử dụng trực tiếp kết quả do AI cung cấp, sinh viên tiếp tục bước kiểm chứng thông tin bằng cách truy cập Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao để tải toàn văn Án lệ số 80/2025/AL. Qua quá trình đối chiếu, sinh viên phát hiện AI đã nhầm lẫn giữa lập luận trong Kháng nghị giám đốc thẩm với nhận định cuối cùng của Tòa án. Án lệ gốc xác định rõ ràng đối tượng của hợp đồng tặng cho là tờ vé số chưa mở thưởng. Ở thời điểm ông T tặng cho bà D và nhóm công nhân, tờ vé số chỉ có mệnh giá 10.000 đồng, tức là một khoản chi tiêu nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày.

Vì vậy, ông T có quyền tự định đoạt mà không cần phải có sự đồng ý của người vợ. Bước này cho thấy giá trị cốt lõi của hoạt động kiểm chứng: AI có thể hỗ trợ tìm kiếm nhanh, nhưng kết luận pháp lý cuối cùng vẫn phải được xác lập trên cơ sở đối chiếu với nguồn án lệ gốc.

Bước 4: Tranh biện và tổng hợp

Dựa trên nguồn đã được xác minh, sinh viên tiếp tục đóng vai luật sư bảo vệ nhóm công nhân để xây dựng lập luận pháp lý độc lập, bác bỏ quan điểm của người vợ và thực hiện trích dẫn án lệ theo chuẩn học thuật. Ở bước này, người học không chỉ lặp lại nội dung của án lệ mà phải chuyển hóa thông tin đã kiểm chứng thành lập luận của chính mình. Sản phẩm đầu ra là phần trích dẫn và lập luận được đưa vào bài làm. Ví dụ, sinh viên có thể trình bày như sau: Giao dịch tặng cho tài sản có hiệu lực vì đối tượng hợp đồng là tờ vé số chưa mở thưởng chứ không phải vé trúng thưởng. Căn cứ theo Án lệ số 80/2025/AL (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 2025), Tòa án nhận định rằng: “Tại thời điểm ông T cho bà D và các công nhân tờ vé số thì mệnh giá tờ vé số chỉ là 10.000 đồng, so với chi phí tiêu dùng hàng ngày thì có giá trị không đáng kể, nên ông T có thể tự ý định đoạt mà không cần phải có sự đồng ý của bà... (vợ ông T)” (Đoạn 4 Phần Nhận định của Tòa án). Cách làm này giúp bảo đảm rằng sản phẩm học tập vừa có căn cứ pháp lý rõ ràng, vừa thể hiện được tư duy phân tích độc lập của sinh viên.

Bước 5: Nhìn nhận và đúc kết

Ở bước cuối cùng, sinh viên tự đánh giá lại toàn bộ quá trình làm việc với AI. Qua tình huống này, người học có thể nhận ra rằng AI rất hữu ích trong việc tra

cứu nhanh mã số án lệ và định hướng vấn đề, nhưng lại hạn chế ở khả năng phân biệt chính xác thời điểm xác lập tài sản và bản chất pháp lý của giao dịch, từ đó dễ dẫn đến kết luận sai lệch. Từ trải nghiệm đó, sinh viên rút ra bài học về liên chính học thuật, đồng thời khẳng định rằng việc phân tích logic pháp lý và trích dẫn án lệ bắt buộc phải dựa trên nguồn cơ sở dữ liệu gốc, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào câu trả lời do AI tạo ra.

V. Kết luận

Nghiên cứu này góp phần giải quyết những yêu cầu thực tiễn của giáo dục pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua việc xây dựng quy trình dạy học truy vấn án lệ gồm 5 bước, kết hợp với khung năng lực gồm 3 thành phần: Tương tác, Kiểm soát và Phản biện. Quy trình này giúp thay đổi cách tiếp cận đối với AI, từ một công cụ cung cấp sẵn câu trả lời thành công cụ hỗ trợ tư duy và học tập. Thông qua đó, sinh viên Luật được rèn luyện khả năng kiểm chứng thông tin, phân tích độc lập và thực hiện trích dẫn án lệ đúng chuẩn, góp phần phát triển tư duy phản biện và nâng cao ý thức liên chính học thuật.

Ở góc độ rộng hơn, quy trình dạy học truy vấn án lệ có tích hợp AI thể hiện cách tiếp cận giáo dục lấy người học làm trung tâm trong bối cảnh chuyển đổi số (Nguyen, 2026a). Mô hình này khẳng định rằng công nghệ cần được sử dụng để hỗ trợ và phát triển năng lực của con người, không phải để thay thế vai trò và khả năng tự quyết của người học (Nguyen, 2026a). Việc hướng dẫn sinh viên Luật sử dụng AI theo tư duy truy vấn không chỉ nhằm thích ứng với sự phát triển của công nghệ mà còn góp phần gìn giữ những giá trị cốt lõi của giáo dục. Mục tiêu cuối cùng không phải là đào tạo

những người sử dụng AI nhanh nhất, mà là hình thành những công dân có khả năng làm chủ công nghệ bằng tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm và nền tảng đạo đức vững chắc (Nguyen, 2026c).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy cần có sự thay đổi trong vai trò của giảng viên, từ người truyền đạt kiến thức sang người thiết kế tình huống. Tuy nhiên, do giới hạn của bài viết hiện mới dừng ở mức đề xuất mô hình lý thuyết, các nghiên cứu tiếp theo cần tập trung vào khâu kiểm chứng. Cụ thể, mô hình cần được thẩm định thông qua ý kiến chuyên gia đối với các tiêu chí của bảng Rubric, sau đó tiến hành thiết kế thực nghiệm đối chứng (áp dụng quy trình 5 bước vào các học phần chuyên ngành cụ thể như Luật Dân sự) để đo lường đầy đủ tính hiệu quả và mức độ cải thiện tư duy phản biện của sinh viên trong thực tế.

Tài liệu tham khảo

- Association of College and Research Libraries. (2015). *Framework for information literacy for higher education*. American Library Association. <https://www.ala.org/acrl/standards/ilframework>
- Black, H. C. (1990). *Black's law dictionary* (6th ed.). West Publishing Co.
- Davitashvili, N. (2024). The future of AI-enhanced legal education. In *International Scientific Conference on AI, Human Rights, Migration, Democracy, and Public Impact* (pp. 89-99). <https://doi.org/10.55843/ISC2024conf89d>
- Dong, Y., và Min, B. (2024). The in-depth integration of artificial intelligence and higher legal education: Innovative models, teaching efficacy, and ethical considerations. *Journal of Current Social Issues Studies*, 1(1), 1-16. <https://doi.org/10.71113/JCSIS.v1i1.81>

- Dương, B. N., và Nguyễn, T. T. (2009). Vấn đề áp dụng án lệ ở Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, (5), 28-35.
- Gong, J., Li, Y., và Li, Z. (2025). Research on the application of natural language processing technology in legal case teaching and intelligent question-answering. In *2025 International Conference on Artificial Intelligence and Digital Ethics (ICAIDE)* (pp. 241-244). <https://doi.org/10.1109/ICAIDE65466.2025.11189642>
- Harankaha, M., và Thilakarathna, K. A. A. N. (2024). AI in legal education: Balancing opportunities and challenges in the Sri Lankan context. *International Journal of Law, Management & Humanities*, 7(6), 137. <https://doi.org/10.10000/IJLMH.118515>
- Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. (2025). *Án lệ số 80/2025/AL về việc tặng cho vé số của vợ, chồng* (Ban hành kèm theo Quyết định số 339a/QĐ-CA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).
- Keselman, A. (2003). Supporting inquiry learning by promoting normative understanding of multivariable causality. *Journal of Research in Science Teaching*, 40(9), 898-921.
- Krathwohl, D. R. (2002). A revision of Bloom's taxonomy: An overview. *Theory Into Practice*, 41(4), 212-218. https://doi.org/10.1207/S15430421TIP4104_2
- Lê, V. S. (2015). *Án lệ và vai trò của án lệ trong hoạt động xét xử của Tòa án*. Bộ Tư pháp.
- Ma, C., Xiao, R., Wei, Y., và Yang, H. H. (2011). An inquiry-based learning approach on an educational technology course. In *Proceedings of the 2011 IEEE International Symposium on IT in Medicine and Education (ITME)* (pp. 422-424).
- Munir, B. (2025). Integrating generative AI in legal pedagogy: A case study. *International Journal of Legal Information*, 53(3), 272-284. <https://doi.org/10.1017/jli.2025.10081>
- Nguyen, M. G. (2026a). Artificial intelligence ethics: From human-centric philosophy to humanistic value orientation in education. *International Journal of Scientific Research and Management*, 14(2), 4574-4580. <https://doi.org/10.18535/ijssrm/v14i02.el02>
- Nguyen, M. G. (2026b). Artificial intelligence ethics in education: A systematic review of challenges, policy governance frameworks, and pedagogical integration directions. *Journal of Artificial Intelligence and Technological Development*, 2(2), 123-130. [https://doi.org/10.59324/jaitd.2026.2\(2\).09](https://doi.org/10.59324/jaitd.2026.2(2).09)
- Nguyen, M. G. (2026c). The role of artificial intelligence in pedagogical innovation and strategic management in higher education. *Journal of Artificial Intelligence and Technological Development*, 2(3), 1-8. [https://doi.org/10.59324/jaitd.2026.2\(3\).01](https://doi.org/10.59324/jaitd.2026.2(3).01)
- Pedaste, M., Mäeots, M., Leijen, Ä., và Sarapuu, T. (2012). Improving students' inquiry skills through reflection and self-regulation scaffolds. *Technology, Instruction, Cognition and Learning*, 9(1-2), 81-95.
- Pedaste, M., và Sarapuu, T. (2006). Developing an effective support system for inquiry learning in a web-based environment. *Journal of Computer Assisted Learning*, 22(1), 47-62.
- Phạm, T. H. (2017). Án lệ và việc áp dụng án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam. *TNU Journal of Science and Technology*, 170(10), 109-114.

- Prakash, A. G., và Nair, V. (2024). Integrating generative AI into legal education: From casebooks to code, opportunities and challenges. *Law, Technology and Humans*, 6(3), 60-79. <https://doi.org/10.5204/lthj.3640>
- Prince, M. J., và Felder, R. M. (2006). Inductive teaching and learning methods: Definitions, comparisons, and research bases. *Journal of Engineering Education*, 95(2), 123-138.
- Phạm, Y. N. (2021). Sử dụng án lệ trong giảng dạy Luật học. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(2), 62-68. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.2.2021.855>
- Ravelo Franco, G. (2025). Inteligencia artificial en la formación jurídica: Análisis de su integración a la investigación formativa. *Prolegómenos*, 28(56), 31-47. <https://doi.org/10.18359/prole.7515>
- Rehorek, S. J. (2004). Inquiry-based teaching. *The American Biology Teacher*, 66(7), 493-499.
- Smith, K. A. (2000). *Inquiry-based cooperative learning*. University of Minnesota.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2015). *Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*.

DESIGNING AN ARTIFICIAL INTELLIGENCE- INTEGRATED TEACHING PROCESS IN CASE LAW ANALYSIS AND CITATION FOR LAW STUDENTS BASED ON INQUIRY-BASED LEARNING

Nguyen Minh Giam¹

Abstract: *The development of Generative Artificial Intelligence (GenAI) has brought numerous opportunities for legal education but has also increased the risk of students becoming dependent on technology, experiencing a decline in critical thinking, and violating academic integrity due to AI-generated misinformation. To address this issue, this study proposes an AI-integrated teaching process for case law analysis and citation based on Inquiry-Based Learning (IBL). The novelty of this research is the development of an AI Competency Framework comprising three components: Interaction, Control, and Critique, alongside the proposition of a tightly interconnected 5-step teaching model. The research results provide instructors with a specific process that helps Law students transition from passively receiving information to actively exploring, evaluating, and collaborating with AI. Consequently, learners not only develop independent legal thinking but also enhance their capacity to control technology, execute proper citations, and maintain standards of academic integrity.*

Keywords: *Legal education, Artificial Intelligence (AI), Inquiry thinking, Case law analysis, Teaching process design*

¹ Thu Dau Mot University, Ho Chi Minh, Vietnam